

Số: 34/2024/QĐST-DS

B, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Công Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của ông Định: Ông Trần Bạch L, sinh năm 1980

Nơi thường trú: Số A, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: 101 L, Khu phố 01, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1954

2. Bà Nguyễn Thị D', sinh năm 1960

3. Ông Bùi Trung D1, sinh năm 1988

Cùng HKTT: Tổ 05, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

4. Ông Bùi Quốc D2, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 09, khu phố P', phường Ph, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

5. Bà Bùi Thị Kiều D3, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 05, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

6. Bà Bùi Thị Phương D4, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 09, khu phố P', phường Ph, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Chấm dứt các hợp đồng:

+ Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 02516, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vũ Thị Lan chứng nhận ngày 28/01/2022 giữa ông Trương Công Đ với hộ ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị D', ông Bùi Trung D1, ông Bùi Quốc D2, bà Bui Thị Kiều D3, bà Bùi Thị Phương D4;

+ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đặt cọc (về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất) đất số 17441, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vũ Thị Lan chứng nhận ngày 30/7/2022 giữa ông Trương Công Đ với hộ ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị D', ông Bùi Trung D1, ông Bùi Quốc D2, bà Bui Thị Kiều D3, bà Bùi Thị Phương D4;

+ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đặt cọc (về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất) đất số 00616, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vũ Thị Lan chứng nhận ngày 30/01/2023 giữa ông Trương Công Đ với ông Bùi Văn D, bà Nguyễn Thị D', ông Bùi Trung D1, ông Bùi Quốc D2, bà Bui Thị Kiều D3, bà Bùi Thị Phương D4.

2.2 Hộ ông Bùi Văn D gồm: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị D', sinh năm 1960; ông Bùi Trung D1, sinh năm 1988; ông Bùi Quốc D2, sinh năm 1983; bà Bùi Thị Kiều D3, sinh năm 1984; bà Bùi Thị Phương D4, sinh năm 1986 có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền đặt cọc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) cho ông Trương Công Đ, sinh năm 1979. Thời hạn thanh toán ngày 26/12/2024.

2.3 Về án phí: Tiền án phí dân sự là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng). Hai bên đương sự thoả thuận, ông Trương Công Đ chịu 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; hộ gia đình ông Bùi Văn D chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trương Công Đ số tiền tạm ứng án phí 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 00002111 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã B, ông Trương Công Đ liên hệ với Chi cục thi hành án Dân sự thị xã B để nhận lại số tiền trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX. B.
- Chi cục THADS TX. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mai Phương